BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 685 /BC-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 11 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ PHIẾU THĂM DÒ ONLINE PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

1. Các thông số điều tra:

- Tổng số sinh viên được gửi phiếu thăm dò qua hệ thống email: 36.113 sinh viên;
- Tổng số sinh viên đánh giá học phần: sinh viên 14.883 (chiếm 73.3%);
- Tổng số sinh viên không phản hồi: 30.339 sinh viên (chiếm 26.7%);
- Tổng số lượt giảng viên được đánh giá: 292 giảng viên;
- Tổng số lượt học phần được đánh giá: 344 học phần.

2. Nội dung các câu hỏi

2.1. Nội dung các câu hỏi đóng:

Nội dung đánh giá các câu hỏi đóng từ câu 01 đến câu 21 được tính theo **số lượng và tỷ lệ %** đối với mỗi câu hỏi theo thang đánh giá gồm 5 mức:

Mức 1 – Hoàn toàn không đồng ý.
Mức 2 – Cơ bản không đồng ý.
Mức 3 – Không ý kiến
Mức 4 – Cơ bản đồng ý.
Mức 5 – Hoàn toàn đồng ý.

Câu 1 – Giảng đường, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	160	5.45	45	1.53	290	9.88	390	13.29	2049	69.84	**2934**
Khoa Máy TB	86	8,99	30	3,13	73	7,63	190	19,85	578	60,40	**957**
Khoa Đóng tàu	22	16%	3	2%	8	6%	17	12%	88	64%	**138**
Khoa Kinh tế	78	4.34	49	2.73	138	7.68	475	26.42	1058	58.84	**1798**
Khoa QTTC	34	2.94	60	5.18	150	12.95	363	31.35	551	47.58	**1158**
Khoa Công trình	117	5.37	25	1.18	140	5.89	227	10.11	1636	77.46	**2145**
Khoa LLCT	107	7.07	67	4.43	0	0	448	29.59	892	58.92	**1514**
Khoa CSCB	79	6.07	39	3	0	0	335	25.73	849	65.21	**1302**
Viện Cơ khí	6	5,17	3	2,59	0	0,00	55	47,41	52	44,83	**116**
Viện Môi trường	91	5.87	41	2.65	200	12.91	300	19.37	917	59.2	**1549**
Khoa CNTT	585	63.7	202	22	96	10.4	17	1.8	19	2.1	**919**

Câu 2 – Việc đăng ký học phần thuận lợi

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	170	5.79	70	2.39	330	11.25	400	13.63	1964	66.94	**2934**
Khoa Máy TB	90	9,43	31	3,25	80	8,39	197	20,65	556	58,28	**954**
Khoa Đóng tàu	23	17%	7	5%	11	8%	18	13%	79	57%	**138**
Khoa Kinh tế	74	4.12	141	7.86	136	7.58	477	26.57	967	53.87	**1795**
Khoa QTTC	70	6.04	115	9.93	167	14.42	263	22.71	543	46.89	**1158**
Khoa Công trình	122	5.92	36	1.05	146	5.59	227	9.85	1613	77.6	**2144**
Khoa LLCT	130	9.05	87	6.06	0	0	370	25.77	849	59.12	**1436**
Khoa CSCB	78	6.24	42	3.36	0	0	305	24.42	824	65.97	**1249**
Viện Cơ khí	20	18,52	13	12,04	0	0,00	32	29,63	43	39,81	**108**
Viện Môi trường	107	6.91	60	3.87	210	13.56	295	19.04	877	56.62	**1549**
Khoa CNTT	539	58.7	189	20.6	116	12.6	35	3.8	41	4.5	**920**
Toàn trường	**884**	**44**	**602**	**35**	**1080**	**52.5**	**2584**	**142**	**8315**	**428**	**14385**

Câu 3 – Sinh viên đã được thông tin, cố vấn về học phần

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	120	4.09	60	2.04	340	11.59	450	15.33	1964	66.94	**2934**
Khoa Máy TB	80	8,37	23	2,41	73	7,64	181	18,93	599	62,66	**956**
Khoa Đóng tàu	21	15%	1	1%	11	8%	16	12%	89	64%	**138**
Khoa Kinh tế	59	3.29	85	4.74	164	9.14	401	22.34	1086	60.5	**1795**
Khoa QTTC	35	3.02	22	1.9	140	12.09	346	29.88	615	53.11	**1158**
Khoa Công trình	113	5.54	11	0.42	138	5.96	222	9.27	1660	78.81	**2144**
Khoa LLCT	93	6.4	24	1.65	0	0	366	25.21	969	66.74	**1452**
Khoa CSCB	62	4.93	22	1.75	0	0	287	22.81	887	70.51	**1258**
Viện Cơ khí	5	4,46	1	0,89	0	0,00	42	37,50	64	57,14	**112**
Viện Môi trường	82	5.29	19	1.23	194	12.52	300	19.37	954	61.59	**1549**
Khoa CNTT	594	64.6	182	19.8	110	12	12	1.3	21	2.3	**919**
Toàn trường	**670**	**32.7**	**268**	**14**	**1060**	**51.4**	**2611**	**144**	**8887**	**459**	**13496**

Câu 4 – Mục tiêu của học phần nêu rõ kiến thức và kĩ năng người học cần đạt được

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	100	3.41	40	1.36	270	9.2	460	15.98	2064	70.35	**2934**
Khoa Máy TB	80	8,37	18	1,88	76	7,95	182	19,04	600	62,76	**956**
Khoa Đóng tàu	21	15%	1	1%	8	6%	20	14%	88	64%	**138**
Khoa Kinh tế	54	3.02	52	2.91	158	8.84	511	28.6	1012	56.63	**1787**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa QTTC	36	3.11	4	0.35	97	8.38	333	28.76	688	59.41	**1158**
Khoa Công trình	113	5.65	14	0.31	130	5.41	232	9.82	1655	78.81	**2144**
Khoa LLCT	95	6.34	15	1	0	0	404	26.97	984	65.69	**1498**
Khoa CSCB	57	4.4	24	1.85	0	0	342	26.39	873	67.36	**1296**
Viện Môi trường	80	5.16	24	1.55	179	11.56	307	19.82	959	61.91	**1549**
Khoa CNTT	577	62.8	202	22	109	11.9	11	1.2	18	2	**917**
Toàn trường	**636**	**31.24**	**192**	**9.34**	**918**	**43.5**	**2791**	**156.5**	**8923**	**460.8**	**14377**

Câu 5 – Thời lượng học phần được phân bố hợp lý

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	11	3.75	70	2.39	210	7.16	400	13.63	2144	73.07	
Khoa Máy TB	81	8,47	14	1,46	69	7,22	183	19,14	609	63,70	**956**
Khoa Đóng tàu	21	15%	1	1%	11	8%	17	12%	88	64%	**138**
Khoa Kinh tế	58	3.25	42	2.35	143	8	432	24.17	1112	62.23	**1787**
Khoa QTTC	29	2.5	9	0.78	90	7.77	297	25.65	733	63.3	**1158**
Khoa Công trình	109	5.38	15	0.94	130	5.33	236	9.25	1654	79.1	**2144**
Khoa LLCT	88	5.91	31	2.08	0	0	396	26.61	973	65.39	**1488**
Khoa CSCB	61	4.76	18	1.4	0	0	321	25.04	882	68.8	**1282**
Viện Môi trường	70	4.52	25	1.61	188	12.14	294	18.98	972	62.75	**1549**
Khoa CNTT	586	63.8	200	21.8	103	11.2	9	1	17	1.8	**915**
Toàn trường	**528**	**30.22**	**225**	**11.56**	**841**	**40.48**	**2576**	**143.45**	**9167**	**475.3**	**11417**

Câu 6 – Học phần có đầy đủ tài liệu và được cập nhật

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	70	239	50	1.7	250	8.52	408	13.9	2156	73.48	**2934**
Khoa Máy TB	82	8,59	20	2,09	77	8,06	191	20,00	585	61,26	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	7	5%	21	15%	89	64%	**0**
Khoa Kinh tế	52	2.91	47	2.63	155	8.67	399	22.33	1134	63.46	**1787**
Khoa QTTC	40	3.45	7	0.6	87	7.51	298	25.73	726	62.69	**1158**
Khoa Công trình	105	5.11	19	1.05	126	5.51	226	8.78	1668	79.56	**2144**
Khoa LLCT	90	5.88	11	0.72	0	0	368	24.05	1061	69.35	**1530**
Khoa CSCB	54	4.13	19	1.45	0	0	290	22.17	945	72.25	**1308**
Viện Môi trường	73	4.71	23	1.48	186	12	276	17.82	991	63.98	**1549**
Khoa CNTT	576	62.7	194	21.1	115	12.5	14	1.5	19	2.1	**918**
Toàn trường	**587**	**265.3**	**196**	**9.63**	**888**	**42.3**	**2477**	**134.9**	**9355**	**485.41**	**14320**

Câu 7 – Học phần góp trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho bạn

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	80	2.72	50	1.7	290	9.88	380	12.95	2134	72.73	**2934**
Khoa Máy TB	83	8,69	16	1,68	75	7,85	192	20,10	589	61,68	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	13	9%	16	12%	88	64%	**138**
Khoa Kinh tế	57	3.19	44	2.46	173	9.68	385	21.54	1128	63.12	**1787**
Khoa QTTC	35	3.02	6	0.52	104	8.98	355	30.66	658	56.82	**1158**
Khoa Công trình	113	5.82	13	0.66	135	5.34	252	9.84	1631	78.35	**2144**
Khoa LLCT	91	6.57	36	2.6	0	0	407	29.39	851	61.44	**1385**
Khoa CSCB	58	4.74	29	2.37	0	0	329	26.9	807	65.99	**1223**
Viện Môi trường	76	4.91	33	2.13	199	12.85	295	19.04	946	61.07	**1549**
Khoa CNTT	569	61.9	201	21.9	121	13.2	10	1.1	19	2.1	**920**
Toàn trường	**614**	**31.1**	**227**	**12.4**	**989**	**46.82**	**2611**	**150.4**	**8832**	**460.2**	**14193**

Câu 8 – Bộ câu hỏi thi, kiểm tra đầy đủ, bám sát nội dung chương trình

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	107	3.65	63	2.15	310	10.57	360	12.27	2094	71.37	**2934**
Khoa Máy TB	87	9,11	15	1,57	77	8,06	192	20,10	584	61,15	**955**
Khoa Đóng tàu	22	16%	0	0%	0	0%	15	11%	91	66%	**128**
Khoa Kinh tế	58	3.26	59	3.32	236	13.27	317	17.82	1109	62.34	**1779**
Khoa QTTC	35	3.02	6	0.52	104	8.98	355	30.66	658	56.82	**1158**
Khoa Công trình	107	5.25	14	0.6	129	5.56	236	9.85	1657	78.75	**2143**
Khoa LLCT	91	6.36	19	1.33	0	0	358	25.02	963	67.3	**1431**
Khoa CSCB	56	4.38	14	1.09	0	0	316	24.71	893	69.82	**1279**
Viện Môi trường	73	4.71	23	1.48	203	13.11	310	20.01	940	60.68	**1549**
Khoa CNTT	541	58.9	206	22.4	134	14.6	19	2.1	19	2.1	**919**
Toàn trường	**636**	**30.79**	**213**	**10.49**	**1059**	**51.49**	**2459**	**140.45**	**8989**	**467.74**	**14275**

Câu 9 – Buổi học đầu tiên, Giảng viên giới thiệu tài liệu, đề cương và phương pháp đánh giá học phần cho sinh viên

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	80	2.72	70	2.38	300	10.22	400	13.63	2084	71.03	**2934**
Khoa Máy TB	88	9,21	11	1,15	72	7,54	172	18,01	612	64,08	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	7	5%	15	11%	95	69%	**138**
Khoa Kinh tế	53	2.98	47	2.64	118	6.63	365	20.51	1197	67.25	**1780**
Khoa QTTC	36	3.11	3	0.26	89	7.69	262	22.63	768	66.32	**1158**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Công trình	110	5.41	16	0.54	123	4.87	215	8.6	1678	80.58	**2142**
Khoa LLCT	86	5.58	15	0.97	0	0	306	19.84	1135	73.61	**1542**
Khoa CSCB	51	3.88	11	0.84	0	0	245	18.62	1009	76.67	**1316**
Viện Môi trường	5	4,46	1	0,89	0	0,00	42	37,50	64	57,14	**112**
Khoa CNTT	76	4.91	19	1.23	177	11.43	265	17.11	1012	65.33	**1549**
Toàn trường	599	65.2	179	19.5	119	12.9	5	0.5	18	2	**920**

Câu 10 – Giảng viên thực hiện đúng thời gian lên lớp theo thời khóa biểu

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	40	1.36	40	1.36	290	9.88	350	11.93	2214	75.46	**2934**
Khoa Máy TB	87	9,11	10	1,05	65	6,81	153	16,02	640	67,02	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	10	7%	12	9%	95	69%	**138**
Khoa Kinh tế	51	2.91	35	1.99	111	6.32	347	19.77	1211	69	**1755**
Khoa QTTC	36	3.11	5	0.43	82	7.08	237	20.47	798	68.91	**1158**
Khoa Công trình	109	5.38	14	0.41	126	5.02	199	7.94	1694	81.26	**2142**
Khoa LLCT	89	5.8	19	1.24	0	0	284	18.51	1142	74.45	**1534**
Khoa CSCB	56	4.25	11	0.84	0	0	224	17.01	1026	77.9	**1317**
Viện Môi trường	78	5.04	18	1.16	166	10.72	262	16.91	1025	66.17	**1549**
Khoa CNTT	626	68.1	164	17.8	105	11.4	6	0.7	16	1.7	**917**
Toàn trường	**567**	**28**	**152**	**7.43**	**850**	**39.09**	**2068**	**112.6**	**9845**	**514**	**14399**

Câu 11 – Phương pháp giảng dạy của Giảng viên giúp bạn phát triển năng lực, phẩm chất người học

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	55	1.87	26	0.89	73	2.49	160	5.45	2620	89.3	**2934**
Khoa Máy tàu biển	86	9,01	18	1,88	72	7,54	174	18,22	605	63,35	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	13	9%	13	9%	91	66%	**138**
Khoa Kinh tế	57	3.22	43	2.43	127	7.18	325	18.36	1218	68.81	**1770**
Khoa QTTC	33	2.85	32	2.76	76	6.56	316	27.29	701	60.54	**1158**
Khoa Công trình	107	5.24	16	0.73	130	5.16	216	8.73	1673	80.15	**2142**
Khoa Lý luận chính trị	93	6.35	27	1.84	0	0	333	22.73	1012	69.08	**1465**
Khoa Cơ sở cơ bản	51	4.01	23	1.81	0	0	314	24.69	884	69.5	**1272**
Viện Môi trường	74	4.78	29	1.87	180	11.62	280	18.08	986	63.65	**1549**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa CNTT	570	62	178	19.4	137	14.9	10	1.1	24	2.6	**919**
Toàn trường	**577**	**28.47**	**214**	**12.33**	**671**	**33.1**	**2131**	**125.4**	**9790**	**501.7**	**14302**

Câu 12 – Giảng viên tạo cơ hội để bạn chủ động tham gia vào quá trình học tập

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	30	1.02	20	0.68	89	3.03	250	8.52	2545	86.74	**2934**
Khoa Máy tàu biển	75	7,85	21	2,20	73	7,64	157	16,44	629	65,86	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	9	7%	13	9%	95	69%	**138**
Khoa Kinh tế	56	3.14	28	1.57	141	7.89	370	20.72	1191	66.69	**1786**
Khoa QTTC	34	2.94	4	35	93	8.03	306	26.42	721	62.26	**1158**
Khoa Công trình	106	5.13	15	0.61	133	5.13	208	8.9	1680	80.23	**2142**
Khoa Lý luận chính trị	88	5.91	14	0.94	0	0	303	20.34	1085	72.82	**1490**
Khoa Cơ sở cơ bản	49	3.79	11	0.85	0	0	293	22.66	940	72.7	**1293**
Viện Môi trường	71	4.58	22	1.42	190	12.27	276	17.82	990	63.91	**1549**
Khoa CNTT	588	64	179	19.5	127	13.8	8	0.9	18	2	**920**
Toàn trường	**530**	**26.66**	**135**	**41.07**	**728**	**36.42**	**2176**	**125.5**	**9876**	**506**	**14365**

Câu 13 – Giảng viên rèn luyện cho bạn phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong học phần với thực tiễn

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	40	1.36	25	0.85	90	3.07	240	8.18	2539	86.54	**2934**
Khoa Máy tàu biển	87	9,11	11	1,15	73	7,64	170	17,80	614	64,29	**955**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	8	6%	15	11%	94	68%	**138**
Khoa Kinh tế	57	3.19	47	2.63	112	6.27	340	19.04	1230	68.87	**1786**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa QTTC	33	2.85	29	2.5	78	6.74	311	26.86	707	61.05	**1158**
Khoa Công trình	107	5.44	12	0.27	126	4.98	216	8.85	1679	80.46	**2140**
Khoa Lý luận chính trị	91	6.05	12	0.8	0	0	322	21.42	1078	71.72	**1503**
Khoa Cơ sở cơ bản	55	4.32	25	1.96	0	0	298	23.41	895	70.31	**1273**
Viện Môi trường	75	4.84	23	1.48	194	12.52	262	16.91	995	64.23	**1549**
Khoa CNTT	580	63.1	183	19.9	128	13.9	9	1	20	2.2	**920**
Toàn trường	**566**	**28.2**	**184**	**10.49**	**681**	**33.64**	**2174**	**124.78**	**9831**	**503.86**	**14356**

Câu 14 – Giảng viên sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	41	1.4	42	1.43	77	2.62	99	3.37	2675	91.17	**2934**
Khoa Máy tàu biển	87	9,12	7	0,73	75	7,86	170	17,82	615	64,47	**954**
Khoa Đóng tàu	22	16%	0	0%	11	8%	15	11%	90	65%	**138**
Khoa Kinh tế	50	2.8	37	2.07	135	7.56	337	18.87	1227	68.7	**1786**
Khoa QTTC	34	2.94	9	0.78	104	8.98	284	24.53	727	62.78	**1158**
Khoa Công trình	107	5.33	11	0.51	133	5.14	208	8.25	1681	80.77	**2140**
Khoa Lý luận chính trị	96	6.45	12	0.81	0	0	337	22.65	1043	70.09	**1488**
Khoa Cơ sở cơ bản	53	4.1	20	1.55	0	0	278	21.52	941	72.83	**1292**
Viện Cơ khí	8	7,77	5	4,85	0	0,00	40	38,83	50	48,54	**103**
Viện Môi trường	74	4.78	26	1.68	185	11.94	273	17.62	991	63.98	**1549**
Khoa CNTT	589	64.1	181	19.7	118	12.8	9	1	20	2.2	**917**
Toàn trường	**572**	**27.96**	**169**	**8.83**	**720**	**36.32**	**2041**	**116.9**	**10040**	**511**	**14459**

Câu 15 – Giảng viên quan tâm giáo dục tư cách, phẩm chất nghề nghiệp của người học

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	31	1.06	24	0.82	84	2.86	170	5.79	2625	89.47	**2934**
Khoa Máy tàu biển	83	8,71	15	1,57	77	8,08	155	16,26	623	65,37	**953**
Khoa Đóng tàu	19	14%	1	1%	13	9%	14	10%	91	66%	**138**
Khoa Kinh tế	55	3.09	43	2.42	199	11.19	348	19.57	1133	63.72	**1778**
Khoa QTTC	35	3.02	5	0.43	104	8.98	280	24.18	734	63.39	**1158**
Khoa Công trình	105	5.37	15	0.51	145	5.44	208	7.87	1666	80.81	**2139**
Khoa Lý luận chính trị	91	6.11	10	0.67	0	0	290	19.46	1099	73.76	**1490**
Khoa Cơ sở cơ bản	54	4.26	14	1.1	0	0	270	21.29	930	73.34	**1268**
Viện Cơ khí	7	7,14	3	3,06	0	0,00	33	33,67	55	56,12	**98**
Viện Môi trường	74	4.78	19	1.23	203	13.11	273	17.62	980	63.27	**1549**
Khoa CNTT	581	63.2	181	19.7	122	13.3	10	1.1	23	2.5	**917**
Toàn trường	**554**	**27.83**	**149**	**7.19**	**825**	**41.7**	**2041**	**115.9**	**9936**	**508.4**	**14422**

Câu 16 – Bạn hiểu những vấn đề được truyền tải trên lớp

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	51	1.74	52	1.77	76	2.59	270	9.2	2485	84.69	**2934**
Khoa Máy tàu biển	71	7,46	24	2,52	80	8,40	198	20,80	579	60,82	**952**
Khoa Đóng tàu	20	14%	1	1%	10	7%	20	14%	87	63%	**138**
Khoa Kinh tế	57	3.21	35	1.97	154	8.66	396	22.27	1136	63.89	**1778**
Khoa QTTC	33	2.85	14	1.21	119	10.28	357	30.83	635	54.84	**1158**
Khoa Công trình	104	5.18	12	0.62	145	5.52	229	8.62	1647	80.06	**2137**
Khoa LLCT	97	6.68	29	2	0	0	449	30.92	877	60.4	**1452**
Khoa CSCB	52	4.08	43	3.38	0	0	360	28.28	818	64.26	**1273**
Viện Môi trường	79	5.1	34	2.19	196	12.65	303	19.56	937	60.49	**1549**
Khoa CNTT	517	56.3	235	25.6	124	13.5	19	2.1	18	2	**913**
Toàn trường	**564**	**28.98**	**244**	**13.15**	**780**	**39.77**	**2582**	**149.82**	**9201**	**469.26**	**14284**

Câu 17 – Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	53	1.8	42	1.43	71	2.42	241	8.21	2527	86.13	**2934**
Khoa Máy tàu biển	86	9,04	18	1,89	70	7,36	151	15,88	626	65,83	**951**
Khoa Đóng tàu	20	14%	0	0%	10	7%	15	11%	93	67%	**138**
Khoa Kinh tế	55	3.08	32	1.79	135	7.56	333	18.65	1231	68.92	**1786**
Khoa QTTC	37	3.2	4	0.35	73	6.3	300	25.91	744	64.25	**1158**
Khoa Công trình	103	5.07	23	0.87	137	5.27	212	8.2	1661	80.59	**2136**
Khoa Lý luận chính trị	89	5.95	12	0.8	0	0	306	20.45	1089	72.79	**1496**
Khoa Cơ sở cơ bản	51	3.9	20	1.53	0	0	261	19.97	975	74.6	**1307**
Viện Môi trường	75	4.84	18	1.16	197	12.72	275	17.75	984	63.52	**1549**
Khoa CNTT	588	64	190	20.7	106	11.5	11	1.2	21	2.3	**916**
Toàn trường	**569**	**27.98**	**169**	**7.93**	**693**	**34.34**	**2094**	**119.25**	**9930**	**511.47**	**14371**

Câu 18 – Hình thức thi, kiểm tra phù hợp với tính chất và đặc thù học phần

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		**Tổng phiếu**
Khoa Hàng Hải	55	1.87	45	1.53	78	2.66	202	6.88	2554	87.05	**2934**
Khoa Máy tàu biển	87	9,19	9	0,95	89	9,40	188	19,85	574	60,61	**947**
Khoa Đóng tàu	21	15%	0	0%	14	10%	14	10%	89	64%	**138**
Khoa Kinh tế	53	2.97	63	3.53	171	9.58	369	20.67	1129	63.25	**1785**
Khoa QTTC	32	2.76	9	0.78	137	11.83	277	23.92	703	60.71	**1158**
Khoa Công trình	105	5.39	14	0.5	143	5.64	223	8.72	1648	79.75	**2133**
Khoa Lý luận chính trị	89	6.46	28	2.03	0	0	337	24.47	923	67.03	**1377**
Khoa Cơ sở cơ bản	53	4.23	17	1.36	0	0	299	23.84	885	70.57	**1254**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Viện Môi trường	75	4.84	22	1.42	212	13.69	271	17.5	969	62.56	**1549**
Khoa CNTT	559	60.8	193	21	134	14.6	12	1.3	19	2.1	**917**
Toàn trường	**570**	**28.67**	**207**	**11.15**	**844**	**43.5**	**2180**	**126.1**	**9474**	**491.56**	**14192**

Câu 19 – Nội dung thi, kiểm tra tổng hợp được kiến thức học phần

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	63	2.15	53	1.81	82	2.79	213	7.26	2523	85.99	**2934**
Khoa Máy tàu biển	86	9,10	11	1,16	87	9,21	181	19,15	580	61,38	**945**
Khoa Đóng tàu	20	14%	1	1%	12	9%	15	11%	90	65%	**138**
Khoa Kinh tế	50	2.8	43	2.41	186	10.42	397	22.24	1109	62.13	**1785**
Khoa QTTC	31	2.68	30	2.59	112	9.67	317	27.37	668	57.69	**1158**
Khoa Công trình	108	5.3	13	0.49	136	5.57	234	9.18	1645	79.46	**2136**
Khoa Lý luận chính trị	88	6.32	17	1.22	0	0	337	24.21	950	68.25	**1392**
Khoa Cơ sở cơ bản	50	3.95	17	1.34	0	0	296	23.4	902	71.3	**1265**
Viện Môi trường	75	4.84	21	1.36	201	12.98	297	19.17	955	61.65	**1549**
Khoa CNTT	550	59.8	201	21.9	136	14.8	9	1	18	2	**914**
Toàn trường	**571**	**28.18**	**206**	**11.23**	**816**	**41.52**	**2287**	**132.94**	**9422**	**487.12**	**14216**

Câu 20 – Kết quả thi, kiểm tra được công bố ngay cho sinh viên, đảm bảo công bằng, khách quan, chính xác

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	56	1.91	52	1.77	85	2.9	207	7.06	2534	86.37	**2934**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Máy tàu biển	81	8,68	18	1,93	76	8,15	178	19,08	580	62,17	**933**
Khoa Đóng tàu	20	14%	1	1%	13	9%	11	8%	93	67%	**138**
Khoa Kinh tế	53	2.99	57	3.21	174	9.81	347	19.57	1142	64.41	**1773**
Khoa QTTC	32	2.76	8	0.69	126	10.88	295	25.47	697	60.19	**1158**
Khoa Công trình	104	5.25	12	0.54	144	5.74	220	8.56	1638	79.92	**2118**
Khoa Lý luận chính trị	92	6.59	14	1	0	0	314	22.48	977	69.94	**1397**
Khoa Cơ sở cơ bản	53	4.24	17	1.36	0	0	269	21.54	910	72.86	**1249**
Viện Môi trường	79	5.1	23	1.48	214	13.82	266	17.17	967	62.43	**1549**
Khoa CNTT	565	61.5	188	20.5	137	14.9	8	0.9	17	1.8	**915**
Toàn trường	**570**	**28.98**	**202**	**10.06**	**832**	**43.24**	**2107**	**121.93**	**9538**	**496.79**	**14164**

Câu 21 – Cách tính điểm học phần hiện tại phù hợp

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa Hàng Hải	59	2.01	42	1.43	83	2.83	208	7.09	2542	86.64	**2934**
Khoa Máy tàu biển	72	8,50	19	2,24	79	9,33	139	16,41	538	63,52	**847**
Khoa Đóng tàu	21	15%	1	1%	12	9%	7	5%	97	70%	**138**
Khoa Kinh tế	50	2.86	47	2.69	129	7.39	315	18.04	1205	69.01	**1746**
Khoa QTTC	32	2.76	8	0.69	106	9.15	271	23.4	741	63.99	**1158**
Khoa Công trình	95	4.97	12	0.64	140	6.34	199	7.66	1608	80.4	**2054**
Khoa Lý luận chính trị	86	6.44	17	1.27	0	0	316	23.67	916	68.61	**1335**
Khoa Cơ sở cơ bản	47	3.93	16	1.34	0	0	273	22.85	859	71.88	**1195**
Viện Môi trường	69	4.46	12	0.78	213	13.77	266	17.19	987	63.8	**1547**

Khoa/Viện	Hoàn toàn không đồng ý		Cơ bản không đồng ý		Không ý kiến		Cơ bản đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng phiếu
Khoa CNTT	572	62.2	186	20.2	129	14	9	1	19	2.1	**915**
Toàn trường	**531**	**27.58**	**174**	**8.85**	**762**	**39.57**	**1994**	**119.95**	**9493**	**505.03**	**13869**

2.2. Nội dung trả lời phiếu câu hỏi mở:

- Khoa Kinh Tế :

- Sinh viên nâng cao ý thưc tự giác trong học tập
- Web Đăng kí tín chỉ còn chậm, kém, khiến sinh viên đăng kí học phần còn nhiều khó khăn
- Thay đổi hình thức kiểm tra, khuyến khích chấm thi bằng thuyết trình, bỏ kiểm tra giấy
- Một số phòng học ở khu C máy chiếu chất lượng không còn tốt, khó nhìn thấy bài giảng
- Một số phòng học ở khu A4, khu B bố trí chưa hợp lý (lớp chật và đông).
- Sinh viên đăng kí học phần còn nhiều khó khăn. Cần mở số lượng lớp phù hợp số lượng sinh viên để đáp ứng nguyện vọng muốn đăng ký học của sinh viên.
- Một số môn học chuyên ngành cần giảm khối lượng lý thuyết, bổ sung kiến thức thực tế nhiều hơn.
- Nhiều sinh viên còn chưa đánh giá phản hồi, tỷ lệ phản hồi mới chiếm hơn 50%. Nhiều phản hồi không được trả lời đầy đủ.
- Các đánh giá của sinh viên mang tính tích cực đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên và các nội dung khác.
- Sửa chữa, bổ sung về cơ sở vật chất (điều hòa, máy chiếu, wifi, khu vệ sinh, trồng thêm cây xanh…) để tạo môi trường học tập

-Khoa Quản trị tài chính

- Các môn học, các kiến thức được dạy cần khớp với những gì được kiểm tra giữa và cuối kỳ, nhiều giảng viên muốn sinh viên về nhà tự tìm hiểu nhưng lại cho kiến thức chưa được học vào bài thi, đặc biệt là ở các môn chuyên ngành.
- Phòng học tầng 2 khu B5 rất nóng, mong nhà trường tạo điều kiện lắp thêm điều hoà cho sinh viên.
- Đề nghị nhà trường nâng cao hệ thống đăng ký tín chỉ giúp sinh viên đỡ gặp khó khăn trong việc đăng ký môn học.
- Đối với việc sinh viên làm cán bộ lớp được cộng 0.2 điểm vào xét học bổng em không tán thành do các bạn đó đã được cộng điểm rèn luyện đã có lợi thế hơn so với người cùng điểm và có điều kiện xét sinh viên 5 tốt. Thứ 2 các bạn được tổng kết cao là do các bạn đã có cố gắng và bỏ thời gian vào học để có được điểm đó, hai bên dành thời gian cho công việc khác nhau thì đâu thể vì các bạn làm cán bộ lớp lại được cộng điểm vào chỗ tính học bổng cho sinh viên có thành tích học tập tốt được. Nếu nhà trường muốn thưởng cho các bạn đó

thì hãy làm phần thưởng riêng ra ạ, còn để chung và tranh vào số học bổng ít ỏi đó thì em không tán thành.

- Nhà trường nên ưu tiên cho sinh viên khoá cuối đăng ký học phần trước để hỗ trợ các bạn hoàn thành sớm các học phần còn thiếu sót để ra trường đúng hạn.
- Vẫn còn tình trạng ăn trộm đồ của các bạn để quên.
- Sinh viên đi học muộn, đồng phục không đúng quy định.
- Máy chiếu của nhà trường chưa được rõ nét , khá mờ nên sinh viên khó nhìn rõ nội dung trình chiếu của các giảng viên.
- Các thầy cô nên giảng chậm hơn, kết hợp các ví dụ để sinh viên dễ hình dung.
- Khoa cần cải biên giáo trình cho phù hợp với môn học, nội dung nên rành mạch, rõ ràng.
- Vẫn còn học sinh hút thuốc lá ở bên khu B5 và các hành lang nồng nặc thuốc lá.

-Khoa Công Trình

- Đề nghị nhà trường đảm bảo tốt các trang thiết bị phục vụ học tập như máy chiếu, thiết bị thực hành, thí nghiệm (nhiều thiết bị đã hư hỏng)
- Đề nghị lắp đặt Internet tại khu Giảng đường để phục vụ cho công tác dạy và học.
- Việc đăng ký học phần của sinh viên vẫn gặp khó khăn.

-Khoa Lý luận chính trị:

- Các thầy , cô giảng dạy nhiệt tình, tận tâm tuy đôi lúc có hơi nhanh
- Nhiều bạn chơi game trong giờ và hút thuốc lá
- Máy chiếu bị mờ
- Thầy cô nên nói to, rõ ràng đối với những lớp đông sinh viên
- Nhiều sinh viên còn dùng điện thoại trong tiết học
- Thầy, cô cần chia sẻ nhiều hơn nữa tài liệu ôn tập của BM

-Khoa Cở sở cơ bản

- Các thầy , cô giảng dạy nhiệt tình, tận tâm tuy đôi lúc có hơi nhanh.
- Nhiều bạn chơi game trong giờ và hút thuốc lá ngoài giờ
- Các thầy, cô cần sát sao hơn việc tự học của sinh viên
- Thầy cô nên nói to, rõ ràng đối với những lớp đông sinh viên
- Vấn đề vệ sinh lớp học sạch sẽ cần được nhà trường quan tâm
- Thầy, cô cần chia sẻ nhiều hơn nữa tài liệu ôn tập của Bộ Môn.

-Khoa Đóng tàu:

- Còn sinh viên hút thuốc lá trong giờ học và phạm vi trường
- Giảng viên cần biết cách tạo bầu không khí tốt và vui vẻ cho buổi học là môn học đó sẽ trở nên dễ tiếp thu.
- Máy chiếu nên chuyển hết sang cổng HDMI; máy chiếu cần to và rõ hơn.
- Sinh viên cần học tập tốt và cũng cần phải tích cực tham gia ngoại khoá và các hoạt động khác nhau của trường nhằm mang tính xây dựng một môi trường học tập tốt.

-Viện Môi trường:

- Giảng viên tích cực chia sẻ kiến thức và trải nghiệm thực tế.

- Giảng dạy theo phương pháp dễ hiểu và bám sát đề thi.
- Em nghĩ giảng viên nên dậy theo hướng là chủ động. Cách truyền tại kiến thức bằng các hoạt động nhóm.
- Bài giảng đôi lúc còn hơi nhanh.
- Các giảng viên đã làm rất tốt.
- Theo em nghĩ Viện Môi Trường cần có nhiều hoạt động hơn nữa để sv có thể biết thêm kiến thức về ngành mình đang học nhất là ngành Môi Trường, bởi vì em thấy học xog vẫn thấy mông lung, vẫn chưa định hình được rõ về ngành Môi Trường là cần phải đáp ứng được những yêu cầu nào ạ.

- Viện Cơ khí:

- Còn hiện tượng hút thuốc lá trong giảng đường
- Sinh viên chưa đeo đầy đủ thẻ đi học.
- Ý thức giữ gìn vệ sinh trường học còn chưa tốt.
- Máy chiếu trong lớp học dùng chưa tốt.
- Giảng viên chưa thực sự làm cho sinh viên hứng thú trong quá trình học, chưa tạo lớp học chủ động và nội dung chưa có thực tiễn.
- Giảng viên chưa thực sự gần gũi với sinh viên trong quá trình dạy.
- Nâng cao chất lượng máy chiếu tại các phòng học Trang thiết bị thực hành thí nghiệm còn thiếu. Trang bi wifi cho toàn trường ; đốc thúc trả thẻ sinh viên và nâng cấp hệ thống đăng ký trực tuyến.

- Khoa Công nghệ thông tin

- - Cơ sở vật chất cần cải thiện tốt hơn, đặc biệt máy chủ trong quá trình đăng ký học phần.
- - Bàn máy tính tại các phòng thực hành bị mục nát nhiều, chỗ để bàn phím không có dẫn đến khó khăn trong thực hành.
- - Máy tính trong các phòng thực hành gồm nhiều máy cũ chạy chậm.
- - Nhiều sinh viên còn thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh chung tại các phòng học lý thuyết cũng như phòng thực hành.
- - Sinh viên phản hồi tích cực với cách dạy nghiêm khắc của các thầy cô trên lớp.
- - Các thầy cô giảng dạy nên tăng cường và nghiêm khắc hơn trong việc giao/kiểm tra bài tập về nhà.
- - Hiện tượng mất cắp mũ bảo hiểm, áo mưa nhà xe vẫn diễn ra, được nhiều sinh viên phản ánh.

2.3. Đánh giá kết quả

- Nhìn chung, với sự đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất của Nhà trường, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập như hiện tại, phần lớn sinh viên có thái độ Hoàn toàn đồng ý đối với chất lượng phục vụ.
- Sinh viên được tạo điều kiện học tập và rèn luyện, tham gia các hoạt động tập thể. Các kết quả khảo sát đã phản ánh được điều này với tỷ lệ sinh viên hoàn toàn đồng ý chiếm trên 60%. Bên cạnh đó, một số sinh viên có đề xuất thêm về việc tăng cường một số dịch vụ

như wifi, điều hòa, … để việc tra cứu thông tin phục vụ học tập trên giảng đường cũng như giải trí được thông suốt.

- Kết quả đánh giá đã phản ánh cơ bản được những yêu cầu đưa ra, không có điểm nào bất cập, mục hoàn toàn đồng ý đều đạt trên dưới 70%. Tuy nhiên, kết quả đánh giá còn rất chung chung do phần đánh giá tổng hợp kết quả là gộp tất cả các học phần lại, nên chưa phản ánh được ưu, nhược điểm với từng môn tách biệt.
- Tỷ lệ sinh viên làm khảo sát còn thấp
- Số lượng sinh viên tham gia khảo sát còn hạn chế mặc dù Bộ môn đã đăng bài viết và gửi đường link trên trang của các khoa và đồng thời gửi trực tiếp đường link cho giảng viên giảng dạy các lớp để giảng viên gửi vào nhóm lớp, nhắc nhở thêm cho các em vào làm khảo sát nhưng rất nhiều em sinh viên không làm.
- ***2.4. Đề xuất, kiến nghị, giải pháp:***

Khoa Kinh tế

- Cần có quy định rõ ràng về việc yêu cầu sinh viên bắt buộc phải tham gia đánh giá phản hồi

Khoa Công trình

- Cải tiến cách đăng ký học phần của sinh viên
- Đề nghị lắp đặt Internet tại khu Giảng đường

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG THANH TRA & ĐBCL

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Khoa/Viện;
- Lưu: VT, TT&ĐBCL.